

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ NGÃ NĂM  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST.

Ngày: 29/5/2019.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Quang Nhuận.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/. Bà Trần Thị Lệ.

2/. Ông Nguyễn Văn Tân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST- DS, ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

*1/ Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1944.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1980, theo văn bản ủy quyền lập ngày 01/10/2018 (bà Hạnh có mặt tại phiên tòa).

Cùng địa chỉ: Khóm ..., phường ..., thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

*2/ Bị đơn:* Ông Phan Văn T (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Khóm ..., phường ..., thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

*3/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị N (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Khóm ..., phường ..., thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/10/2018 và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:***

Vào ngày 04/10/2016, vợ chồng ông Phan Văn T có vay của bà Đ số tiền 100.000.000 đồng, việc vay tiền hai bên có làm “Tờ giao kèo”, ông T thống nhất ký tên vào văn bản. Vợ chồng ông T vay tiền là để làm ăn chung trong gia đình. Kể từ khi vay tiền cho đến nay ông T không góp lãi và cũng không trả vốn cho bà. Bà có đến nhà ông T để đòi nợ nhiều lần nhưng ông T tỏ ra không hợp tác và cũng không trả nợ cho bà. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn T và bà Huỳnh Thi Nhanh trả số tiền vốn cho bà là 100.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đ, không yêu cầu bà N có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ.

***Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án lập ngày 15/3/2019, bị đơn ông Phan Văn Tân trình bày:***

Ông thừa nhận có vay của bà Nguyễn Thị Đ số tiền 100.000.000 đồng, sau đó khoảng 10 ngày ông đã trả đủ số tiền 100.000.00 đồng cho bà Đ, trả tiền tại nhà bà Đ, lúc đó có bà Hạnh là con bà Đ chứng kiến. Khi trả tiền cho bà Đ ông không có lấy lại “tờ giao kèo” và hai bên cũng không có làm biên nhận về việc trả tiền. Số tiền ông vay của bà Đ dùng để làm vốn mua bán heo. Việc ông vay số tiền của bà Đ vợ ông là bà N hoàn toàn không biết. Nay bà Đ yêu cầu ông trả cho bà Đ số tiền 100.000.000đồng, ông không đồng ý vì ông đã trả số tiền trên cho bà Đ rồi. Việc bà Đ yêu cầu vợ ông là bà N cùng có nghĩa vụ trả nợ, ông cũng không đồng ý vì việc vay tiền là do cá nhân ông vay, vợ ông hoàn toàn không biết.

***Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án lập ngày 13/02/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N trình bày:***

Bà và ông T không có vay của bà Đ số tiền 100.000.000 đồng, từ trước đến nay bà không biết gì về khoản tiền vay này. Bà cũng không nghe chồng bà là ông T nói gì đến việc vay của bà Đ số tiền này. Vì vậy, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

### **Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và giải

quyết buộc ông Phan Văn T có trách nhiệm trả cho bà Đ số tiền vốn vay 100.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) nhận định:

#### ***Xét về thủ tục tố tụng:***

[1]. Bị đơn ông Phan Văn T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2]. Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bà N có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ cho bà Đ. HĐXX nhận thấy việc người đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

#### ***Xét về nội dung vụ án:***

[3]. Qua xem xét “Tờ giao kèo” lập ngày 04/10/2016 thể hiện: ông Phan Văn T có vay của bà Đ số tiền 100.000.000 đồng, có chữ ký xác nhận của “bên mượn” đề tên là “Phan Văn T”. Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 15/3/2019 của Tòa án, ông T xác nhận: ông có vay của bà Đ số tiền 100.000.000 đồng và chữ ký xác nhận đề tên “Phan Văn T” trong “Tờ giao kèo” lập ngày 04/10/2016 là của ông, lời thừa nhận của ông T là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, ông T cho rằng sau khi vay tiền được khoảng 10 ngày thì ông đã trả toàn bộ số tiền này cho bà Đ, nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc đã thanh toán xong số tiền vốn vay 100.000.000 đồng cho bà Đ, đây là nghĩa vụ chứng minh của ông, nhưng ông không thực hiện được nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét thấy, ông T đã nhận số tiền vốn vay 100.000.000 đồng của bà Đ nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn là vi phạm hợp đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về số tiền lãi của hợp đồng vay, bà Đ tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Xét về trách nhiệm liên đới của bà Huỳnh Thị N: ông T xác nhận cá nhân ông là người vay tiền của bà Đ, không liên quan đến bà N. Phía bà N không thừa nhận có cùng với ông T vay của bà Đ, bà cũng không biết gì về số tiền ông T vay của bà Đ. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn không có yêu cầu bà N có trách nhiệm liên đới cùng ông T trả nợ cho bà Đ. Vì vậy, bà N không phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cùng ông T.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T phải chịu án phí đối với yêu cầu của khởi kiện của bà Đ được chấp nhận theo quy định tại khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, với số tiền là:  $100.000.000đ \times 5\% = 5.000.000$  đồng. Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí.

[7]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 357 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ:

Buộc ông Phan Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên thì ông T còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án, theo mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T phải chịu án phí với số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), ông T có nghĩa vụ nộp số tiền này.

3/. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

-VKSND thị xã Ngã Năm;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**Phạm Quang Nhuận**